

Bản án số: 06/2024/LĐ-ST  
Ngày: 17-5-2024  
V/v: "Tranh chấp hợp đồng lao  
động".

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN CÁT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đậu Thị Thảo

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thắm - Cán bộ hưu trí, nguyên chủ tịch công đoàn cơ sở thuộc Trung tâm y tế thị xã Bến Cát (nay là thành phố Bến Cát) tỉnh Bình Dương.

2. Bà Trần Thị Ngọc Hạnh - Công tác tại Xí nghiệp phát triển Công nghiệp và đô Thị Mỹ Phước.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Thanh Toàn - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Trung - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 5 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 10/2024/TLST-LĐ ngày 20 tháng 02 năm 2024 về việc: "Tranh chấp hợp đồng lao động" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 51/2024/QĐXXST-LĐ ngày 16/4/2024 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Bà Trần Thị C, sinh năm 1987; Thường trú tại: Thôn L, xã H, thị xã H, tỉnh Bình Định Có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

**- Bị đơn:** Bà Hà Thị T năm 1992; địa chỉ: thôn L, xã H, thị xã H, tỉnh Bình Định.

Địa chỉ tạm trú: Nhà trọ N, tổ A, khu phố C, phường T, thành phố B, tỉnh Bình Dương. Có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

**- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Công ty Trách nhiệm hữu hạn C45 (Việt Nam); Địa chỉ: Lô L-CN, đường D, khu công nghiệp M, phường T, thành phố B, tỉnh Bình Dương

Người đại diện hợp pháp của hợp pháp: Ông SU, TSAI, sinh năm 1975; Địa chỉ liên hệ: Lô L, đường D, Khu công nghiệp M, phường T, thành phố B, tỉnh Bình Dương, là người đại diện theo uỷ quyền. Có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

2. Bảo hiểm xã hội thành phố B, tỉnh Bình Dương địa chỉ: khu phố B, phường M, thành phố B, tỉnh Bình Dương

Người đại diện hợp pháp: Nguyễn Huỳnh B năm 1991; Hộ khẩu thường trú: Số A, phường M, thành phố B, tỉnh Bình Dương Có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

### NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Trong Đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn bà C1 bày:*

Từ tháng 12 năm 2007 đến tháng 9 năm 2019 bà là nhân viên của Công ty T19 (Việt Nam), địa chỉ: T, đường số E, khu công nghiệp V, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương Trong thời gian làm việc tại Công ty T19 (Việt Nam), bà được tham gia đóng bảo hiểm xã hội đầy đủ, số sổ bảo hiểm xã hội của bà là 9107290292.

Tháng 11 năm 2008, bà Hà Thị T1 (em ruột của chồng bà C2 vào tỉnh Bình Dương để xin việc làm nhưng do chưa đủ tuổi lao động nên bà có cho bà T2 Chứng minh nhân dân và hồ sơ, sơ yếu lý lịch của bà mang tên Trần Thị C3 bà T3 xin việc làm. Vì vậy, bà T4 dùng Chứng minh nhân dân và hồ sơ, sơ yếu lý lịch mang tên của bà (Trần Thị C3 xin việc làm tại Công ty cổ phần C45 (nay là Công ty Trách nhiệm hữu hạn C45 (Việt Nam) (sau đây gọi tắt là Công ty C45), địa chỉ tại: khu công nghiệp M, xã T, huyện B, (nay là phường T, thành phố B), tỉnh Bình Dương

Trong quá trình làm việc tại Công ty C45, bà Hà Thị T5 tham gia đóng bảo hiểm xã hội với hồ sơ mang tên Trần Thị C từ tháng 12 năm 2008 đến tháng 02 năm 2012, số sổ bảo hiểm xã hội là: 7408320871.

Tháng 12 năm 2012, bà T (hồ sơ mang tên Trần Thị C4 việc tại Công ty C45. Một năm sau khi nghỉ việc, bà T4 làm hồ sơ nhận tiền bảo hiểm xã hội của toàn bộ thời gian làm việc tại Công ty này.

Tháng 5 năm 2021, sau khi nghỉ việc tại Công ty T19 (Việt Nam), bà C5 liên hệ bảo hiểm xã hội tỉnh B để làm thủ tục nhận bảo hiểm xã hội một lần nhưng bảo hiểm xã hội tỉnh B đã thông báo cho bà C6 số bảo hiểm xã hội của bà C2 cùng một số chứng minh nhân dân nhưng lại có 02 số sổ bảo hiểm xã hội khác nhau nên bà không thể nhận được tiền bảo hiểm xã hội một lần.

Do đó, nay bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết, tuyên hợp đồng lao động giữa bà Hà Thị T1 (hồ sơ xin việc tại Công ty C46 tên Trần Thị C7 Công ty C45 (nay là Công ty Trách nhiệm hữu hạn C45 (Việt Nam)) là vô hiệu.

Nay bà xin rút lại đối với yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu Tòa án buộc B2 (nay là thành phố B), tỉnh Bình Dương thu thời gian đóng trùng bảo hiểm xã hội từ tháng 12 năm 2008 đến tháng 02 năm 2012 của sổ sổ bảo hiểm xã hội 7408320871 mang tên Trần Thị C8 Công ty C45, địa chỉ: khu công nghiệp M, phường T, thành phố B, tỉnh Bình Dương.

**Bị đơn bà Hà Thị T6 mặt nhưng trong quá trình tham gia tố tụng, bà T5 lời khai và văn bản trình bày cụ thể như sau:**

Bà là em chồng của bà Trần Thị C9 tháng 11 năm 2008, bà có vào huyện B (nay là thành phố B), tỉnh Bình Dương để xin việc làm. Do thời điểm này bà chưa đủ tuổi lao động nên không xin được việc làm, vì vậy bà đã mượn chứng minh nhân dân và hồ sơ, sơ yếu lý lịch của chị dâu bà (Trần Thị C) để đi xin việc làm tại Công ty C45, thuộc khu công nghiệp M, huyện B (nay là thành phố B), tỉnh Bình Dương. Bà đã đồng ý và cho bà mượn hồ sơ, sơ yếu lý lịch, chứng minh nhân dân mang tên Trần Thị C

Sau khi bà C10 bà mượn hồ sơ, bà đã dùng Đơn xin việc, sổ hộ khẩu, giấy tạm trú tạm vắng, giấy xác nhận hạnh kiểm, sơ yếu lý lịch, chứng minh nhân dân (gọi chung là hồ sơ xin việc) của bà Trần Thị C3 đi xin việc làm tại Công ty C47 được Công ty này tuyển dụng bà vào làm công nhân. Ngay sau đó giữa bà (hồ sơ mang tên Trần Thị C7 Công ty C48 (bà không nhớ loại hợp đồng nào), vị trí công việc là làm tại bộ phận mút xốp, chức danh là công nhân.

Trong toàn bộ thời gian làm việc tại Công ty C47 khi ký Hợp đồng lao động, bà đã che giấu không cho Công ty biết việc bà mượn hồ sơ xin việc mang tên Trần Thị C3 xin việc làm tại Công ty này, vì vậy Công ty không biết và vẫn ký hợp đồng lao động với bà.

Sau khi ký hợp đồng lao động, bà được Công ty C49 cho bà (hồ sơ mang tên Trần Thị C11 từ tháng 12 năm 2008 đến tháng 02 năm 2012 thì bà nghỉ việc, sổ sổ bảo hiểm xã hội là 7408320871.

Đến tháng 02/2012, bà xin nghỉ việc tại Công ty C50 đó giữa bà (hồ sơ mang tên Trần Thị C7 Công ty đã chấm dứt hợp đồng lao động, Công ty đã chốt sổ bảo hiểm xã hội và trả cho bà sổ bảo hiểm xã hội số 7408320871.

Sau đó, bà Trần Thị C12 thay bà liên hệ với cơ quan bảo hiểm xã hội thị xã B2 (nay là thành phố B), tỉnh Bình Dương làm hồ sơ nhận tiền bảo hiểm xã hội của toàn bộ thời gian làm việc tại Công ty C49 mang tên Trần Thị C13 khi nhận được khoản tiền bảo hiểm xã hội tại Cơ quan bảo hiểm xã hội thị xã B2 (nay là thành phố B) bà C12 giao lại hết toàn bộ số tiền này cho bà, số tiền bảo hiểm xã hội đã nhận bao nhiêu bà không nhớ vì thời gian đã lâu.

Trong khoảng thời gian bà T7 việc tại Công ty C45 từ tháng 12 năm 2008 đến tháng 02 năm 2012 (hồ sơ mang tên Trần Thị C14 chị dâu bà là Trần Thị C15 đang làm việc tại Công ty T19 (Việt Nam), tại số B, đường số E, khu công nghiệp V, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương từ tháng 12 năm 2007 đến tháng 9 năm 2019 và bà C2 tham gia đóng bảo hiểm xã hội đầy đủ, sổ sổ bảo hiểm xã hội của bà C16 9107290292.

Bà được biết, tháng 05 năm 2021, chị dâu bà (Trần Thị C) có liên hệ Bảo hiểm xã hội tỉnh Bình Dương để làm thủ tục nhận bảo hiểm xã hội một lần nhưng không nhận được tiền bảo hiểm xã hội do sổ bảo hiểm xã hội của bà C7 bà T5 cùng một số chứng minh nhân dân nhưng hai sổ bảo hiểm xã hội khác nhau.

Hiện nay, bà không còn lưu giữ toàn bộ hợp đồng lao động, sổ bảo hiểm xã hội và giấy tờ gì liên quan giữa bà (hồ sơ mang tên Trần Thị C7 Công ty C1) Do đó, nếu cần thiết bà đề nghị Tòa án nhân dân liên hệ với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền để thu thập các tài liệu, chứng cứ liên quan này, bà không còn giữ nên không có để cung cấp.

**Nay trước yêu cầu khởi kiện của bà C17 có ý kiến như sau:**

- Để đảm bảo quyền lợi của bà C18 tham gia bảo hiểm xã hội, bà đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị C19 việc tuyên bố các hợp đồng lao động giữa bà (khi giao kết lấy tên Trần Thị C7 Công ty C1 là vô hiệu do lừa dối.

- Yêu cầu cơ quan bảo hiểm xã hội có thẩm quyền thoái thu thời gian đóng trùng bảo hiểm xã hội (hồ sơ tên Trần Thị C20 tháng 12 năm 2008 đến tháng 02 năm 2012, số sổ bảo hiểm xã hội là 7408320871, tại Công ty C45. Đối với số tiền thoái thu thời gian đóng bảo hiểm xã hội nêu trên, bà tự nguyện đề nghị C2 thẩm quyền trả cho bà Trần Thị C21 cam đoan không có tranh chấp hay khiếu nại bất kỳ nội dung nào liên quan đến số tiền thoái thu thời gian đóng trùng bảo hiểm xã hội này giữa bà và bà C22 bà là người có lỗi.

**Ông ST1 là người đại diện hợp pháp của Công ty Trách nhiệm hữu hạn C51 vắng mặt tại phiên tòa nhưng quá trình tham gia tố tụng trình bày:**

Ông là người có quốc tịch Đài Loan, tuy nhiên ông nghe, viết và nói được tiếng Việt thành thạo. Ông không đề nghị Tòa án cử người phiên dịch tiếng Đài Loan sang tiếng Việt khi tham gia tố tụng tại Tòa án.

Trước đây Công ty C45 (nay đổi tên thành Công ty Trách nhiệm hữu hạn Công nghiệp gỗ K) có ký hợp đồng lao động với người lao động tên Trần Thị C23 tháng năm sinh: 20/07/1987 - Mã số thẻ: V083040 - Chứng minh nhân dân số: 215074352.

Người lao động tên Trần Thị C24 đầu vào Công ty C45 làm việc ngày 07/08/2008 theo hình thức thử việc có thời hạn 03 tháng. Khi vào làm việc, Công ty có nhận hồ sơ xin việc của bà Trần Thị C25 tại Công ty C45 (nay là Công ty C45). Sau khi hết thời gian thử việc, Công ty và bà C26 kết Hợp đồng lao động số V083040 ngày 01/12/2008. Công ty có tham gia đóng bảo hiểm xã hội và trích đóng bảo hiểm xã hội cho bà C27 quy định từ tháng 12/2008 theo Sổ bảo hiểm xã hội mang tên Trần Thị C, số sổ: 7408320871.

Đến ngày 15/03/2012, bà C28 thủ tục xin thôi việc và kết thúc hợp đồng lao động với Công ty C1 nên công ty đã báo giảm bảo hiểm xã hội cho bà C29

tháng 03/2012 tại công ty. Các chế độ lương, thưởng và chế độ khác của người lao động **Trần Thị C12** được giải quyết theo đúng quy định.

Đối với việc bà **Trần Thị C30** bà **Hà Thị T8** chứng minh nhân dân, hồ sơ đề xin làm việc tại công ty thì nay **Công ty Trách nhiệm hữu hạn C45** có ý kiến như sau:

+ Công ty quản lý người lao động thông qua giấy tờ tùy thân, hồ sơ lý lịch có liên quan và đóng bảo hiểm xã hội theo đúng quy định của pháp luật. Nay bà **Trần Thị C31** nhận cho người khác mượn giấy tờ để xin việc ở công ty thì **Công ty T20** nghị Tòa án giải quyết yêu cầu của bà **C27** đúng quy định của pháp luật.

+ Ngoài ra **Công ty Trách nhiệm hữu hạn C51** không có yêu cầu gì trong vụ việc này, cũng không yêu cầu bà **Hà Thị T1**(hồ sơ là **Trần Thị C32** bồi thường bất cứ khoản nào;

+ Thống nhất huỷ Hợp đồng lao động được ký kết giữa bà **Hà Thị T1**(khi giao kết lấy tên **Trần Thị C7** **Công ty C45**(nay là **Công ty Trách nhiệm hữu hạn C51**).

+ Về việc cung cấp chứng cứ theo Quyết định yêu cầu cung cấp chứng cứ số 30/2024/QĐ-CCTLCC ngày 19/3/2024 của Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát (nay là thành phố B), tỉnh Bình Dương có ý kiến như sau: Hiện nay Công ty không lưu trữ bất cứ bản hợp đồng lao động, phụ lục hợp đồng lao động nào giữa **Công ty C47** bà **Trần Thị C15** như sổ bảo hiểm xã hội, nguyên nhân bà **C4** việc lâu nên Công ty không lưu trữ. Tuy nhiên, bị đơn thừa nhận có ký kết hợp đồng lao động số V083040 ngày 01/12/2008 với bà **Trần Thị C33** đó nay đề nghị Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát (nay là thành phố B), tỉnh Bình Dương giải quyết xét xử tuyên huỷ Hợp đồng lao động số V083040 ngày 01/12/2008 là vô hiệu.

**Ông Nguyễn Huỳnh B1** người đại diện hợp pháp của **B2**, tỉnh Bình Dương vắng mặt nhưng quá trình tham gia tố tụng có văn bản trình bày cụ thể như sau:

1/ Sổ sổ bảo hiểm của bà **Trần Thị C34** hợp đồng lao động được ký kết giữa bà **Hà Thị T1**(tên ký hợp đồng là bà **Trần Thị C35** 7408320871.

2/ **Công ty cổ phần C52** là **Công ty TNHH C45**(Việt Nam) có tham gia đóng bảo hiểm xã hội (BHXH), bảo hiểm y tế (BHYT), bảo hiểm thất nghiệp (B1bảo hiểm tai nạn lao động bệnh nghề nghiệp (BHTNLD-BNN) với tên **Trần Thị C36** ngày 20/07/1987, CMND số: 215074352 từ tháng 12/2008 đến 02/2012.

3/ **Công ty TNHH C45**(Việt Nam) được bảo hiểm xã hội tỉnh Bình Dương phân cấp cho **bảo hiểm xã hội thị xã B2**, tỉnh Bình Dương quản lý từ tháng 4/2015.

4/ Bà **Hà Thị T1**(thực tế lấy tên bà **Trần Thị C12** liên hệ cơ quan BHXH thị xã B để giải quyết chế độ BHXH một lần vào ngày 17/05/2013, quyết định số 021303902 của thời gian tham gia đóng bảo hiểm xã hội từ tháng 12/2008 đến 02/2012, số tiền được nhận là 9.483.216 đồng.

**Tại phiên tòa:**

- Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt và không ai cung cấp, bổ sung thêm tài liệu, chứng cứ nào mới.

- Kiểm sát viên đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Bến Cát có ý kiến:

+ Về tố tụng: Việc thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ là đúng theo quy định; nguyên đơn, người đại diện hợp pháp của bị đơn và những người tiến hành tố tụng đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

+ Về nội dung: Đề nghị căn cứ Điều 92, Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 50, 51, 52 Bộ Luật lao động năm 2019, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và đình chỉ 01 phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu nên xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là: “Tranh chấp hợp đồng lao động”. Căn cứ khoản 5 Điều 32; điểm v khoản 2 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 50 của Bộ luật lao động năm 2019 xác định thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn; bị đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định.

[3] Về người tham gia tố tụng: Tại thông báo thụ lý vụ án số 10/2024/TLST-LĐ ngày 20 tháng 02 năm 2024 Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát (nay là **thành phố B** đưa Bảo hiểm xã hội tỉnh Bình Dương vào tham gia tố tụng trong vụ án. Tuy nhiên, trong quá trình thu thập tài liệu chứng cứ của Tòa án, có cơ sở xác định: **Công ty Trách nhiệm hữu hạn C45**(Việt Nam) được Bảo hiểm xã hội tỉnh Bình Dương phân cấp cho **B2** (nay là thành phố B), tỉnh Bình Dương quản lý từ tháng 4/2015. Do đó, xét thấy không còn cần thiết để đưa Bảo hiểm xã hội tỉnh Bình Dương vào tham gia tố tụng trong vụ án này với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là phù hợp.

[4] Về việc rút một phần yêu cầu khởi kiện: Tại Đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện và trình bày ý kiến đề ngày 11/5/2024, nguyên đơn xin rút yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu Tòa án buộc **B2** (nay là thành phố B), tỉnh Bình Dương thoái thu thời gian đóng trùng bảo hiểm xã hội từ tháng 12 năm 2008 đến tháng 02 năm 2012 của sổ sổ bảo hiểm xã hội 7408320871 mang tên **Trần Thị C8** Công ty C1. Xét việc rút lại yêu cầu khởi kiện này của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện, là quyền tự quyết định, định đoạt của nguyên đơn và phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên

Hội đồng xét xử chấp nhận và cần đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện mà nguyên đơn đã rút.

[5] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Toà án tuyên bố Hợp đồng lao động giữa bà Hà Thị T1 (khi giao kết lấy tên Trần Thị C7 Công ty C1 là vô hiệu, Hội đồng xét xử xét thấy:

Theo lời khai của nguyên đơn bà C7 các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ thể hiện: Từ tháng 12 năm 2007 đến tháng 9 năm 2019 bà C28 việc tại Công ty Trách nhiệm hữu hạn T19, tại số B, đường số E, khu công nghiệp V, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương Trong thời gian làm việc tại công ty này, bà C2 tham gia đóng bảo hiểm xã hội liên tục, đầy đủ, số sổ bảo hiểm xã hội của bà C35 9107290292.

Tháng 11/2008, bà C30 bà Hà Thị T8 Đơn xin việc, sổ hộ khẩu, giấy tạm trú tạm vắng, giấy xác nhận hạnh kiểm, sơ yếu lý lịch, chứng minh nhân dân (gọi chung là hồ sơ xin việc) của bà Trần Thị C3 bà T3 xin việc làm tại Công ty C47 được Công ty này tuyển dụng bà T9 làm công nhân. Ngay sau đó giữa bà T (hồ sơ mang tên Trần Thị C7 Công ty C1 ký Hợp đồng lao động và được Công ty gỗ Kaiser này đóng bảo hiểm xã hội từ tháng 12/2008 đến tháng 02/2012 theo số sổ bảo hiểm 7408320871 mang tên Trần Thị C

Theo lời trình bày của bị đơn bà Hà Thị T10 thấy: Tên thật của bà là Hà Thị T1, sinh năm 1992 nhưng hồ sơ đi làm tại Công ty C45 là Trần Thị C37 tháng năm sinh: 20/07/1987, lời trình bày này phù hợp với kết quả thu thập được trong quá trình giải quyết vụ án từ người đại diện hợp pháp của Công ty C47, chứng cứ do bảo hiểm xã hội thành phố B, tỉnh Bình Dương cung cấp và các tài liệu, chứng cứ khác thu thập được.

Căn cứ theo quá trình đóng bảo hiểm xã hội của sổ bảo hiểm xã hội số 9107290292 cho thấy: Thực tế từ tháng 12 năm 2007 đến tháng 10 năm 2019, bà C38 làm việc tại Công ty Trách nhiệm hữu hạn T19, tại số B, đường số E, khu công nghiệp V, phường H, thành phố T cũng được đóng bảo hiểm xã hội liên tục, đầy đủ theo số sổ bảo hiểm xã hội là 9107290292. Chính việc bà C30 bà T8 hồ sơ mang tên của mình để bà T11 việc và ký hợp đồng lao động với Công ty C45, được Công ty này đóng bảo hiểm xã hội trong toàn bộ thời gian làm việc tại đây, dẫn đến hệ quả là bà Hà Thị T1 (tên hồ sơ là Trần Thị C39 khoảng thời gian đóng trùng bảo hiểm xã hội từ tháng 12/2008 đến tháng 02/2012 tại số sổ bảo hiểm 7408320871 mang tên Trần Thị C.

Hiện nay, Công ty cổ phần C45 (nay là Công ty TNHH C45 (Việt Nam)) và bà Hà Thị T12 lưu giữ Hợp đồng lao động giao kết giữa Công ty C47 bà Trần Thị C40 căn cứ Điều 2 Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014 thì: thời điểm bà Hà Thị T13 tên của bà Trần Thị C3 làm việc tại Công ty C53 bắt buộc giữa hai bên phải có Hợp đồng lao động thì Công ty C54 làm thủ tục đóng bảo hiểm xã hội cho bà T (hồ sơ lấy tên Trần Thị C).

Mặt khác, cùng thời điểm từ tháng 12 năm 2007 đến tháng 10 năm 2019, bà C38 làm việc tại Công ty Trách nhiệm hữu hạn T19 và cũng được đóng bảo

hiêm xã hội với số sổ bảo hiểm là 9107290292. Bà C41 định bà chưa từng làm việc tại Công ty cổ phần C45 (nay là Công ty TNHH C45 (Việt Nam)). Điều này cho thấy: Người thực tế giao kết hợp đồng lao động và làm việc tại Công ty cổ phần C45 (nay là Công ty TNHH C45 (Việt Nam)) từ tháng 12/2008 đến 02/2012 không phải là bà Trần Thị C42 là bà Hà Thị T1 đã dùng hồ sơ mang tên của bà Trần Thị C để được làm việc tại đây. Điều này cũng được bà Hà Thị T14 nhận trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, được Công ty cổ phần C45 (nay là Công ty TNHH C45 (Việt Nam)) thừa nhận có quan hệ lao động trên thực tế với người lao động mang tên Trần Thị C, ngày tháng năm sinh: 20/07/1987 - Mã số thẻ: V083040 - Chứng minh nhân dân số: 215074352 và có ký kết Hợp đồng lao động số V083040 ngày 01/12/2008, được Công ty trích đóng bảo hiểm xã hội cho bà C20 tháng 12/2008 đến 02/2012 theo Sổ bảo hiểm xã hội mang tên Trần Thị C, số sổ: 7408320871. Như vậy, sự việc này được các bên đương sự thừa nhận và không ai phản đối, đây là tình tiết, sự kiện không cần phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Từ những phân tích, đánh giá và chứng cứ nêu trên có đủ cơ sở để khẳng định: Người có tên Trần Thị C, sinh năm 1987, trú tại: Thôn L, xã H, thị xã H, tỉnh Bình Định không phải là người giao kết hợp đồng lao động và không có quan hệ lao động tại Công ty cổ phần C45 (nay là Công ty trách nhiệm hữu hạn C45 (Việt Nam)). Bà Hà Thị T15 mượn hồ sơ mang tên Trần Thị C để tham gia giao kết hợp đồng lao động với Công ty cổ phần C45 (nay là Công ty trách nhiệm hữu hạn C45 (Việt Nam)) là vô hiệu toàn bộ do có sự lừa dối, bà T16 phạm nguyên tắc trung thực trong cung cấp thông tin cho người sử dụng lao động, vi phạm nguyên tắc giao kết hợp đồng lao động và không đúng chủ thể giao kết hợp đồng. Hậu quả là làm cho bà Trần Thị C có khoảng thời gian bị đóng trùng Bảo hiểm xã hội, việc đóng trùng bảo hiểm xã hội ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà C18 tham gia bảo hiểm xã hội nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà C.

[6] Về giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu: các đương sự trong vụ án không ai yêu cầu giải quyết hậu quả của hợp đồng lao động vô hiệu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[7] Xét ý kiến của đại diện viện kiểm sát nhân thành phố B, tỉnh Bình Dương là phù hợp.

[8] Về án phí lao động sơ thẩm: Bị đơn bà Hà Thị T17 chịu 300.000 đồng tiền án phí lao động sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng khoản 5 Điều 32; điểm v khoản 2 Điều 39; khoản 2 Điều 92; Điều 147; Điều 228; khoản 2 Điều 244; Điều 266; 273; 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 2 Luật bảo hiểm xã hội năm 2014;

Áp dụng khoản 1 Điều 15; khoản 2 Điều 16; điểm b khoản 1 Điều 49; Điều 50; Điều 220 của Bộ luật lao động năm 2019;

Áp dụng Điều 26, 27, 29, 30 của Bộ luật lao động năm 1994;

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà **Trần Thị C43** với bị đơn bà **Hà Thị T18** việc tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu.

2. Tuyên bố Hợp đồng lao động được ký kết giữa bà Trần Thị C(do bà **Hà Thị T13** tên bà **Trần Thị C44** giao kết) và **Công ty cổ phần C45**(nay là **Công ty TNHH C45**(Việt Nam)) vô hiệu toàn bộ.

3. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn về việc buộc **B2**, tỉnh Bình Dương thu thời gian đóng trùng bảo hiểm xã hội từ tháng 12 năm 2008 đến tháng 02 năm 2012 của sổ sổ bảo hiểm xã hội 7408320871 mang tên **Trần Thị C8 Công ty Trách nhiệm hữu hạn C45**.

4. Án phí lao động sơ thẩm: Bà **Hà Thị T17** chịu 300.000 đồng tiền án phí lao động sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7A và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Bến Cát;
- Chi cục THA dân sự thị xã Bến Cát;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đậu Thị Thảo**



